CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
INTERNATIONAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTING COMPANY

Số 9, Lô 1A, Đường Trung Yên 1, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
No 9, Lot 1A, Trung Yen 1 Road, Trung Hoa, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Tel: + 84 (4) 378 32991 Fax: +84 (4) 378 32990
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH
Số 210B, Đường 30/4
Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch
Ông Lê Văn Liêm	Phó chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sửa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Phước Hồng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D: 4503000065 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI
TÂY NINH
THỊ XÃ TÂY NINH - T.TÂY NINH

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2009

Kiểm toán
Kế toán
Thuế
Tư vấn

Số: 1019 /2009/BCKT - IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ Phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

S.Đ.K.K.D: 0102005690-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ Q. CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Ngày 28 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Hoàng Giang
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0997/KTV

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**32.784.594.300**	**29.906.709.022**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**8.573.171.224**	**4.792.924.143**
1. Tiền	111		8.573.171.224	4.792.924.143
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**2.350.663.823**	**3.660.855.132**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.350.663.823	3.660.855.132
III. Các khoản phải thu	**130**		**6.199.794.647**	**9.801.611.329**
1. Phải thu khách hàng	131		1.897.606.058	6.584.542.687
2. Trả trước cho người bán	132		666.103.830	881.122.416
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.706.084.759	2.405.946.226
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(70.000.000)	(70.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**13.314.281.717**	**9.200.225.176**
1. Hàng tồn kho	141		13.314.281.717	9.200.225.176
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.346.682.889**	**2.451.093.242**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.596.682	192.958.614
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	186.594.724
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	15.514.930	14.590.791
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.267.571.277	2.056.949.113
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**51.792.067.263**	**61.901.628.846**
II. Tài sản cố định	**220**		**26.397.515.657**	**36.517.155.481**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	25.575.434.206	31.143.006.376
- Nguyên giá	222		51.471.670.102	45.973.636.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.896.235.896)	(14.830.630.468)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	225.000.000	-
- Nguyên giá	228		225.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	597.081.451	5.374.149.105
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**25.394.551.606**	**25.201.908.290**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	20.486.593.290	20.486.593.290
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	5.709.415.000	4.585.315.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	50.000.000	130.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(851.456.684)	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**182.565.075**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	182.565.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**84.576.661.563**	**91.808.337.868**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**16.030.214.112**	**15.046.318.891**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**11.767.237.895**	**14.564.301.124**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	750.000.000
2. Phải trả người bán	312		558.356.443	3.652.822.977
3. Người mua trả tiền trước	313		38.405.800	26.610.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	305.695.499	256.490.177
5. Phải trả người lao động	315		1.403.857.971	2.050.086.041
6. Chi phí phải trả	316		132.879.630	92.258.882
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		9.328.042.552	7.736.032.547
II. Nợ dài hạn	**330**		**4.262.976.217**	**482.017.767**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		4.113.450.000	296.570.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		149.526.217	185.447.767
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**68.546.447.451**	**76.762.018.977**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**51.147.164.110**	**58.628.937.814**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	45.702.089.498	45.702.089.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.15	819.217.742	782.600.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.15	319.123.333	194.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	7.796.849.741
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	4.306.733.537	4.153.398.575
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**17.399.283.341**	**18.133.081.163**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		49.524.884	7.007.234
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		17.349.758.457	18.126.073.929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**84.576.661.563**	**91.808.337.868**

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**76.801.987.081**	**60.428.919.147**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.1**	**76.801.987.081**	**60.428.919.147**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**64.818.372.624**	**50.388.066.142**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**11.983.614.457**	**10.040.853.005**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.3**	**10.425.961.519**	**5.949.562.308**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.4**	**1.031.033.525**	**67.428.539**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*179.576.841*	*67.428.539*
8. Chi phí bán hàng	**24**		**8.727.291.060**	**5.368.693.900**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**5.610.253.683**	**5.359.517.075**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**7.040.997.708**	**5.194.775.799**
11. Thu nhập khác	**31**	**VI.5**	**532.282.829**	**140.680.293**
12. Chi phí khác	**32**	**VI.6**	**-**	**2.280.850**
13 Lợi nhuận/(lỗ) khác	**40**		**532.282.829**	**138.399.443**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**VI.7**	**7.573.280.537**	**5.333.175.242**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.7**	**-**	**-**
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**7.573.280.537**	**5.333.175.242**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**1.657**	**1.167**

S.Đ.K.K.D: 4503000065 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
THỊ XÃ TÂY NINH - T.TÂY NINH

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	**7.573.280.537**	**5.333.175.242**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	11.259.005.428	1.592.580.247
- Các khoản dự phòng	03	-	70.000.000
- Chi phí lãi vay	06	179.576.841	67.428.539
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	***08***	**19.011.862.806**	**7.063.184.028**
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	3.923.363.934	(6.228.885.562)
- Tăng hàng tồn kho	10	(4.114.056.541)	(2.548.191.254)
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	311.927.007	(136.709.569)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(179.576.841)	(67.428.539)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	938.805.520
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(16.135.350.894)	(3.585.578.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**4.552.064.692**	**(3.587.149.080)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.139.365.604)	(1.325.384.799)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	1.117.547.993	1.977.334.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(21.817.611)**	**651.950.069**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	328.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(750.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	(750.000.000)	328.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**3.780.247.081**	**(2.607.199.011)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4.792.924.143**	**7.400.123.154**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**8.573.171.224**	**4.792.924.143**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000065 ngày 5 tháng 2 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 154 (năm 2007: 151).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2008 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 24
Máy móc và thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 14
Phương tiện vận tải	6 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của khu nhà ở thuộc Khu dân cư Phường 4, Thị xã Tây Ninh và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tải sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	219.602.290	381.771.564
Tiền gửi ngân hàng	8.353.568.934	4.411.152.579
Tổng cộng	**8.573.171.224**	**4.792.924.143**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng	2.350.663.823	3.660.855.132
Tổng cộng	**2.350.663.823**	**3.660.855.132**

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.457.516.000	2.027.593.167
Phải thu về cổ phần hoá	-	5.045.272
Phải thu khác	248.568.759	373.307.787
Tổng cộng	**3.706.084.759**	**2.405.946.226**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Nguyên liệu, vật liệu	215.955.050	445.154.248
Công cụ, dụng cụ	2.032.019.484	2.299.799.606
Hàng hóa	11.065.209.507	6.453.863.531
Hàng gửi đi bán	1.097.676	1.407.791
Tổng cộng	**13.314.281.717**	**9.200.225.176**

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	15.514.930	14.590.791
Tổng cộng	**15.514.930**	**14.590.791**

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị Văn Phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	33.630.450.816	4.417.751.873	478.059.197	5.148.126.152	2.299.248.806	45.973.636.844
Mua trong năm	4.112.498.802	1.479.877.313	-	42.857.143	56.200.000	5.691.433.258
Giảm khác	-	-	-	193.400.000	-	193.400.000
Tại ngày 31/12/2008	37.742.949.618	5.897.629.186	478.059.197	4.997.583.295	2.355.448.806	51.471.670.102
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2008	9.557.930.835	1.741.067.499	304.055.372	2.045.949.193	1.181.627.569	14.830.630.468
Khấu hao trong năm	8.175.078.256	1.974.438.545	83.467.860	591.832.996	434.187.771	11.259.005.428
Giảm khác	-	-	-	193.400.000	-	193.400.000
Tại ngày 31/12/2008	17.733.009.091	3.715.506.044	387.523.232	2.444.382.189	1.615.815.340	25.896.235.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2008	**24.072.519.981**	**2.676.684.374**	**174.003.825**	**3.102.176.959**	**1.117.621.237**	**31.143.006.376**
Tại ngày 31/12/2008	**20.009.940.527**	**2.182.123.142**	**90.535.965**	**2.553.201.106**	**739.633.466**	**25.575.434.206**

(*) Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: Nhà cửa vật kiến trúc 580.395.877 đồng; Máy móc thiết bị 33.200.000 đồng; Thiết bị văn phòng 18.036.500 đồng; Tài sản cố định khác 239.115.428 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2008	-	-
Mua trong năm	225.000.000	225.000.000
Tại ngày 31/12/2008	**225.000.000**	**225.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2008	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2008	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2008	-	-
Tại ngày 31/12/2008	**225.000.000**	**225.000.000**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Xây dựng khu du lịch	597.081.451	5.374.149.105
Tổng cộng	**597.081.451**	**5.374.149.105**

9. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào các công ty con của Công ty đến ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2008 (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Đen Tây Ninh	Tây Ninh	51%	16.779.310.430	Dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh	Tây Ninh	51%	3.707.282.860	Dịch vụ du lịch

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	5.709.415.000	4.585.315.000
	5.709.415.000	**4.585.315.000**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2008 (VND)	Hoạt động chính
Công ty CP Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Tây Ninh	20%	1.148.543.316	Sản xuất nước khoáng
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Tây Ninh	36,26%	3.709.415.000	Xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng

10. Đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Đầu tư trái phiếu Chính Phủ	50.000.000	130.000.000
Tổng cộng	**50.000.000**	**130.000.000**

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	**182.565.075**	**94.430.486**
Tăng trong năm	76.500.000	88.134.589
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	259.065.075	-
Tại ngày 31 tháng 12	**-**	**182.565.075**

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Ninh	-	750.000.000
Tổng cộng	**-**	**750.000.000**

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế giá trị gia tăng	98.294.280	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	88.738.441
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.714.213
Thuế, phí và lệ phí khác	207.401.219	158.037.523
Tổng cộng	**305.695.499**	**256.490.177**

14. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	**45.702.089.498**	-	-	-	**45.702.089.498**
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	4.550.575.242	4.550.575.242
Tăng trong năm	-	782.600.000	194.000.000	-	976.600.000
Giảm trong năm	-	-	-	(261.300.000)	(261.300.000)
Số dư cuối năm trước	45.702.089.498	782.600.000	194.000.000	4.289.275.242	50.967.964.740
Số dư đầu năm nay trước điều chỉnh	**45.702.089.498**	**782.600.000**	**194.000.000**	**4.289.275.242**	**50.967.964.740**
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	-	-	-	(135.876.667)	(135.876.667)
Số dư đầu năm nay sau điều chỉnh	**45.702.089.498**	**782.600.000**	**194.000.000**	**4.153.398.575**	**50.832.088.073**
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	36.617.742	125.123.333	7.573.280.537	7.735.021.612
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	(725.741.075)	(725.741.075)
Giảm trong năm	-	-	-	(67.400.000)	(67.400.000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(6.626.804.500)	(6.626.804.500)
Tại ngày 31/12/2008	**45.702.089.498**	**819.217.742**	**319.123.333**	**4.306.733.537**	**51.147.164.110**

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.544.230.000	35.544.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.157.859.498	10.157.859.498
Tổng cộng	**45.702.089.498**	**45.702.089.498**

c. Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	*4.570.209*	*4.570.209*
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	*4.570.209*	*4.570.209*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

d. Cổ tức

Trong năm nay, Ban Giám đốc Công ty đã chi trả cổ tức năm 2007 là 3.427.657.500 đồng và tạm chi đợt 1 năm 2008 là 3.199.147.000 đồng. Mức chi trả cổ tức năm 2008 sẽ được quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**76.801.987.081**	**60.428.919.147**
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	68.519.748.733	53.859.926.661
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.282.238.348	6.568.992.486
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**76.801.987.081**	**60.428.919.147**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	64.818.372.624	50.388.066.142
Tổng cộng	**64.818.372.624**	**50.388.066.142**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.239.866.880	1.047.765.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.936.463.000	2.538.190.000
Lãi chênh lệch tỷ chưa thực hiện	6.940.738	1.493.386
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.242.690.901	2.362.113.005
Tổng cộng	**10.425.961.519**	**5.949.562.308**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	179.576.841	67.428.539
Chi phí tài chính khác	851.456.684	-
Tổng cộng	**1.031.033.525**	**67.428.539**

5. Doanh thu khác

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	90.000.000	-
Các khoản thu khác	442.282.829	140.680.293
Tổng cộng	**532.282.829**	**140.680.293**

6. Chi phí khác

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí khác	-	2.280.850
Tổng cộng	**-**	**2.280.850**

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.573.280.537	5.333.175.242
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(4.807.784.678)	(2.538.190.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	2.765.495.859	2.794.985.242
Thuế suất thông thường	28%	28%
Thuế TNDN phải nộp	774.338.841	782.600.000
Thuế suất hiện hành	0%	0%
Chí phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Năm 2008 là năm hoạt động thứ 2 của Công ty cổ phần nên Công ty không tính và hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn trong năm 2008 sẽ được phân phối sang Quỹ đầu tư phát triển ngay khi Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.573.280.537	5.333.175.242
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.570.209	4.570.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.657**	**1.167**

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lương và các khoản thưởng	729.119.592	524.282.254

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Tài Chính DNP. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

S.Đ.K.K.D: 4503000065 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
THỊ XÃ TÂY NINH - T.TÂY NINH

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2009